

## PHẦN I

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

### I. Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng :

#### 1. Khái niệm :

Thuế giá trị gia tăng có nguồn gốc từ thuế doanh thu và Pháp là nước đầu tiên trên thế giới ban hành Luật thuế giá trị gia tăng vào năm 1954. Thuế giá trị gia tăng theo tiếng Pháp gọi là : Taxe Sur La Valeur Tée ( viết tắt là TVA ), tiếng Anh gọi là Value Added Tax ( viết tắt là VAT ), dịch ta tiếng Việt là thuế giá trị gia tăng. Khai sinh từ nước Pháp, thuế giá trị gia tăng đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Tính đến nay đã có khoảng 130 quốc gia trên thế giới áp dụng thuế giá trị gia tăng.

Theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào Ngân sách Nhà nước theo mức độ tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ.

#### 2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hoá :

Luật thuế doanh thu quy định doanh thu phát sinh là cơ sở để thực hiện chế độ thu nộp thuế. Do đó Nhà nước đánh thuế trên toàn bộ doanh thu phát sinh của sản phẩm qua mỗi lần dịch chuyển từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Nếu các sản phẩm, hàng hoá chịu thuế càng qua nhiều khâu thì số thuế Nhà nước thu được cũng tăng thêm qua các khâu nên việc áp dụng thuế doanh thu dẫn đến tình trạng thuế thu trùng lặp đối với phần doanh thu đã chịu thuế ở công đoạn trước. Điều đó mang tính bất hợp lý, tác động tiêu cực đến sản xuất và lưu thông hàng

hoá. Với tính ưu điểm của thuế giá trị gia tăng là Nhà nước chỉ thu thuế đối với phần giá trị tăng thêm của các sản phẩm ở từng khâu sản xuất lưu thông mà không thu thuế đối với toàn bộ doanh thu phát sinh như mô hình thuế doanh thu.

### 3. Cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng :

Cơ sở của thuế giá trị gia tăng chính là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm do cơ sở sản xuất, kinh doanh mới sáng tạo ra chưa bị đánh thuế. Nói cách khác, cơ sở của thuế giá trị gia tăng là khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ. Do đó cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng được quy định như sau :

- Một trong những nguyên tắc cơ bản của thuế giá trị gia tăng là sản phẩm, hàng hoá dù qua nhiều khâu hay ít khâu từ sản xuất đến tiêu dùng đều chịu thuế như nhau.
- Thuế giá trị gia tăng có điểm cơ bản khác với thuế doanh thu là chỉ có người bán hàng ( dịch vụ ) lần đầu phải nộp thuế giá trị gia tăng trên toàn bộ doanh thu bán hàng ( cung ứng dịch vụ ). Còn người bán hàng ( dịch vụ ) ở các khâu tiếp theo đối với hàng hoá ( dịch vụ ) đó, chỉ phải nộp thuế trên phần giá trị tăng thêm.
- Thuế giá trị gia tăng không chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh doanh của đối tượng nộp thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà đơn thuần là một khoản được cộng thêm vào giá bán của đối tượng cung cấp hàng hoá, dịch vụ.
- Thuế giá trị gia tăng do người tiêu dùng chịu nhưng không phải do người tiêu dùng trực tiếp nộp mà là do người bán sản phẩm (hoặc dịch vụ) nộp thay vào kho bạc Nhà nước, do trong giá bán hàng hoá (hoặc trong dịch vụ) có cả thuế giá trị gia tăng.

#### 4. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong quản lý Nhà nước về kinh tế :

Thuế là công cụ rất quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, do đó thuế giá trị gia tăng có vai trò rất quan trọng và được thể hiện như sau :

- Thuế giá trị gia tăng thuộc loại thuế gián thu và được áp dụng rộng rãi đối với mọi tổ chức, cá nhân có tiêu dùng sản phẩm hàng hoá hoặc được cung ứng dịch vụ, nên tạo được nguồn thu lớn và tương đối ổn định cho Ngân sách Nhà nước.
- Thuế tính trên giá bán hàng hóa hoặc dịch vụ nên không phải đi sâu xem xét, phân tích về tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí, làm cho việc tổ chức quản lý tương đối dễ dàng hơn các loại thuế trực thu.
- Đối với hàng xuất khẩu không những không nộp thuế giá trị gia tăng mà còn được khấu trừ hoặc được hoàn lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị trường quốc tế.
- Thuế giá trị gia tăng cùng với thuế nhập khẩu làm tăng giá vốn đối với hàng nhập khẩu, có tác dụng tích cực bảo hộ sản xuất kinh doanh hàng nội địa.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chống thất thu thuế đạt hiệu quả cao. Tuy vậy, ở khâu bán lẻ cuối cùng giá trị tăng thêm thường không lớn, số thuế thu ở khâu này không nhiều.
- Thuế giá trị gia tăng thường có ít thuế suất, bảo đảm sự đơn giản, rõ ràng.
- Nâng cao tính tự giác trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người nộp thuế. Việc kiểm tra thuế giá trị gia tăng cũng có mặt thuận lợi vì đã buộc người mua, người bán phải nộp và lưu trữ chứng từ, hoá đơn đầy đủ nên việc thu thuế tương đối sát với hoạt động kinh doanh từ đó tập trung được nguồn

thu thuế giá trị gia tăng vào Ngân sách Nhà nước ngay từ khâu sản xuất và thu thuế ở khâu sau, còn kiểm tra được việc tính thuế, nộp thuế ở khâu trước nên hạn chế được thất thu về thuế.

- Tăng cường công tác hạch toán kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hoá có hoá đơn chứng từ; việc tính thuế đầu ra được khấu trừ số thuế đầu vào là biện pháp kinh tế góp phần thúc đẩy cả người mua và người bán cùng thực hiện tốt hơn chế độ hoá đơn, chứng từ.
- Việc khấu trừ thuế đã nộp ở đầu vào còn có tác dụng khuyến khích hiện đại hoá, chuyên môn hoá sản xuất, tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị mới để hạ giá thành sản phẩm.
- Thuế giá trị gia tăng được ban hành gắn liền với việc sửa đổi, bổ sung một số loại thuế khác như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu ... góp phần làm cho hệ thống chính sách thuế của Việt Nam ngày càng hoàn thiện, phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường, tương đồng với hệ thống thuế trong khu vực và trên thế giới, góp phần đẩy mạnh việc mở rộng hợp tác kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Nhìn chung trong các loại thuế gián thu, thuế giá trị gia tăng được coi là phương pháp thu tiến bộ nhất hiện nay, được đánh giá cao do đạt được các mục tiêu lớn của chính sách thuế, như tạo được nguồn thu lớn cho Ngân sách Nhà nước, đơn giản, trung lập ...

## **II. Các quy định của thuế giá trị gia tăng :**

### **1. Đối tượng chịu thuế**

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua

của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT nêu tại Mục II, Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

## 2. Người nộp thuế

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu)

## 3. Đối tượng không chịu thuế

Có 25 loại hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT được phân làm các nhóm sau :

- **Nhóm 1** : Hàng hoá dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu của cộng đồng.

Ví dụ : Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư; duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ. Các dịch vụ nêu tại điểm này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả.

- **Nhóm 2** : Hàng hoá dịch vụ đang khuyến khích hoặc cần được khuyến khích.

Ví dụ 2 : Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học-kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; in tiền.

Báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, bao gồm cả hoạt động truyền trang báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành.

- **Nhóm 3** : Đối tượng nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất.

Ví dụ : Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê.  
Chuyển quyền sử dụng đất.

- **Nhóm 4** : Khoáng sản khai thác chưa chế biến đem xuất khẩu

Ví dụ : Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến.

#### 4. Căn cứ và phương pháp tính thuế

***Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất.***

##### *4.1. Giá tính thuế*

*Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ được xác định cụ thể như sau:*

*( Nguyên tắc: giá tính thuế là giá chưa có thuế GTGT )*

##### **4.1.1.Đối với HHDV do CS SXKD bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác:**

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT ghi trên hoá đơn

##### **4.1.2.Đối với HH nhập khẩu:**

Giá tính thuế = giá NK+ thuế NK + thuế TTĐB (nếu có)

##### **4.1.3.Đối với HHDV chịu thuế TTĐB:**

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT + thuế TTĐB

##### **4.1.4.Đối với HH bán theo phương thức trả góp, trả chậm:**

Giá tính thuế = giá bán trả 1 lần chưa VAT (không bao gồm lãi trả góp, trả chậm)

4.1.5.Đối với DV đại lý tàu biển, môi giới, ủy thác XNK và Dịch vụ khác hưởng tiền công, hoa hồng :

Giá tính thuế = giá tiền công (hoa hồng) được hưởng chưa có VAT

4.1.6.Đối với HHDV dùng để trao đổi biểu tặng hoặc trả thay lương

Giá tính thuế = giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động

4.1.7.Đối với DV cho thuê tài sản:

Giá tính thuế = số tiền thuê từng kỳ hoặc thu trước

4.1.8.Đối với HHDV cơ sở KD xuất để tiêu dùng, không phục vụ SXKD hoặc dùng SXKD HHDV không chịu VAT:

Giá tính thuế = giá bán HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh việc tiêu dùng

4.1.9.Đối với hoạt động in

Giá tính thuế = tiền công in (có thể gồm cả tiền giấy in)

4.1.10.Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản:

Giá tính thuế = giá bán – tiền sử dụng đất

4.1.11.Đối với DV du lịch theo hình thức lữ hành, trọn gói (ăn, ở, đi lại)

Giá tính thuế = (giá trọn gói – chi phí thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT) / (1 + thuế suất)

4.1.12.Đối với các HHDV sử dụng hoá đơn đặc thù:

Giá tính thuế = giá bán / (1 + thuế suất)

4.2. Thuế suất :

Có 3 mức thuế suất: 0%, 5%, 10%

4.2.1. **Thuế suất 0%:** HHDV xuất khẩu và được coi như xuất khẩu và 1 số Dịch vụ khác.

- Hàng hoá xuất khẩu, bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu, bán cho các doanh nghiệp chế xuất và các trường hợp được coi là xuất khẩu.

- Dịch vụ xuất khẩu và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trừ các dịch vụ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân (Dịch vụ vận chuyển đưa đón cán bộ công nhân viên, cung cấp suất ăn cho cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp chế xuất...)

- Vận tải quốc tế.

4.2.2. **Thuế suất 5%:** HHDV thiết yếu phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng (15 nhóm)

4.2.2.1. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác thuộc diện áp dụng mức thuế suất 10%.

4.2.2.2. Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.

4.2.2.3. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.

4.2.2.4. Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

4.2.2.5. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt lát, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác ở khâu kinh doanh thương mại.



4.2.2.6. Mủ cao su sơ chế như mủ cò rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ cốm; nhựa thông sơ chế; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá .

4.2.2.7. Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại, trừ gỗ, măng.

4.2.2.8. Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn.

4.2.2.9. Sản phẩm bằng đay, cói, tre, song, mây, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp.

4.2.2.10. Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

4.2.2.11. Thiết bị, dụng cụ y tế gồm máy móc và dụng cụ chuyên dùng cho y tế như: các loại máy soi, chiếu, chụp dùng để khám, chữa bệnh; các thiết bị, dụng cụ chuyên dùng để mổ ...

4.2.2.12. Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học.

4.2.2.13. Hoạt động văn hoá, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim.

4.2.2.14. Đồ chơi cho trẻ em; Sách các loại, trừ sách không chịu thuế GTGT nêu tại phần trên.

4.2.2.15. Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa

học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn, không bao gồm trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí trên Internet.

4.2.3. **Thuế suất 10%**: Hàng hoá dịch vụ thông thường còn lại.

### III. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

*Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp: phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.*

Đối tượng áp dụng và việc xác định thuế phải nộp theo từng phương pháp như sau:

#### 1. Phương pháp khấu trừ thuế

1.1. *Đối tượng*: áp dụng đối với các đơn vị thực hiện tốt chế độ kế toán, sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng và không thuộc đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp.

1.2. *Công thức xác định* :

**Thuế phải nộp = Thuế đầu ra - thuế đầu vào được khấu trừ**

- Thuế đầu ra = Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra x Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ đó.
- Thuế đầu vào được khấu trừ = Giá tính thuế của hàng hoá dịch vụ mua vào chịu thuế x Thuế suất thuế giá trị gia tăng.

1.2.1. *Xác định thuế giá trị gia tăng đầu ra* :

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ khi bán hàng hoá dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải tính và thu thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra. Khi lập hóa đơn bán hàng phải ghi rõ giá bán chưa thuế, thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền người mua phải thanh toán

Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi giá chưa thuế và thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn chứng từ.

Trường hợp hóa đơn ghi sai mức thuế suất mà CSKD bán HHDV chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế phát hiện thì xử lý như sau:

- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ > mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên HĐ
- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ < mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất quy định

### 1.2.2. Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ :

Chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng cho cả sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và không chịu thuế giá trị gia tăng => chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.

Tài sản cố định dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thì được khấu trừ toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, hỏng hóc do thiên tai, hoả hoạn ... nếu xác định được người phải bồi thường thì thuế giá trị gia tăng đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được khấu trừ.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn trong kho. Trong trường hợp chưa kịp kê

khai trong tháng thì được khấu trừ vào các tháng tiếp theo, tối đa là 6 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Thuế giá trị gia tăng của hàng hoá (gồm cả mua ngoài và doanh nghiệp tự sản xuất ra) mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá chịu thuế giá trị gia tăng thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Không khấu trừ VAT đầu vào khi **hoá đơn GTGT không đúng quy định** (không ghi thuế GTGT, ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn ghi không đúng giá trị thực của HHDV mua bán, trao đổi).

Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào sử dụng đồng thời cho cả hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng thì được xử lý như sau :

- Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán riêng được thì chỉ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng .
- Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào :

Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào = Doanh thu chịu thuế GTGT / Tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ

$$\Rightarrow \text{Số thuế GTGT} = \text{Tổng số thuế GTGT} \times \text{Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT}$$

### 1.3. Điều kiện khấu trừ thuế :

a) Có hoá đơn giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng hàng hoá ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp mua dịch vụ

b) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

- Đối với hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị trên 20 triệu đồng, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ, hoá đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng của hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào đã khấu trừ.
- Hàng hoá, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng; trường hợp sau khi bù trừ mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.
- Trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng, nhưng mua nhiều lần trong cùng ngày có tổng giá trị trên 20 triệu đồng thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

## 2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

### *2.1. Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT áp dụng đối với các đối tượng sau đây:*

a) Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

c) Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý và hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì phải hạch toán riêng được hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý để áp dụng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

## 2.2. Xác định thuế GTGT phải nộp

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT bằng GTGT của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ đó.

a) Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ được xác định bằng giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra trừ (-) giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào được xác định bằng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

Giá trị gia tăng xác định đối với một số ngành nghề kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh số bán với doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được doanh số vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá vốn hàng bán ra bằng (=) Doanh số tồn đầu kỳ, cộng (+) doanh số mua trong kỳ, trừ (-) doanh số tồn cuối kỳ.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là số chênh lệch giữa tiền thu về xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình trừ (-) chi phí vật tư nguyên liệu, chi phí động lực, vận tải, dịch vụ và chi phí khác mua ngoài để phục vụ cho hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình.

- Đối với hoạt động vận tải là số chênh lệch giữa tiền thu cước vận tải, bốc xếp trừ (-) chi phí xăng dầu, phụ tùng thay thế và chi phí khác mua ngoài dùng cho hoạt động vận tải.

- Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa tiền thu về bán hàng ăn uống, tiền phục vụ và các khoản thu khác trừ (-) giá vốn hàng hóa, dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với hoạt động kinh doanh vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ, giá trị gia tăng là số chênh lệch giữa doanh số bán ra vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ trừ (-) giá vốn của vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ bán ra.

- Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế có kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, cơ sở phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào để kê khai thuế GTGT phải nộp của hàng hoá, dịch vụ theo từng hoạt động kinh doanh và phương pháp tính thuế riêng.

Trường hợp không hạch toán được riêng thì được xác định phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với tỷ lệ doanh thu của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế trên tổng doanh thu bán hàng phát sinh trong kỳ.



- Đối với các hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa tiền thu về hoạt động kinh doanh trừ (-) giá vốn của hàng hóa, dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

- Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT không được tính giá trị tài sản mua ngoài, đầu tư, xây dựng làm tài sản cố định vào doanh số hàng hoá, dịch vụ mua vào để tính giá trị gia tăng.

b) Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ có đầy đủ hoá đơn của hàng hoá, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hoá đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì GTGT được xác định bằng doanh thu nhân (x) với tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hoá): 10%.
- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%.
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

c) Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ Tài chính quy định.

#### **IV. Thủ tục kê khai thuế, nộp thuế :**

##### **1. Kê khai thuế**



- Các cơ sở kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu qui định .

- Đối với các cơ sở kinh doanh nhập khẩu, mỗi lần phát sinh hoạt động nhập khẩu, cơ sở phải có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu cho cơ quan hải quan thu thuế tại cửa khẩu nhập.

- Đối với các cơ sở kinh doanh buôn chuyên phải kê khai và nộp thuế GTGT theo từng chuyến hàng cho cơ quan thuế nơi mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi tiêu thụ.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hoá dịch vụ có mức thuế suất thuế GTGT khác nhau phải kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất qui định đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ, nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.

## 2. Nộp thuế

- Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế thì thời hạn nộp thuế của tháng chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.

- Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế phải nộp hàng tháng lớn thì cơ sở phải tạm nộp thuế theo định kỳ 10-15 ngày một lần và trong thời hạn qui định (Theo thông báo của cơ quan thuế) cơ sở phải nộp đủ số thuế phải nộp trong tháng.

## 3. Hoàn thuế

Theo Luật thuế GTGT thì các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nhập khẩu được hoàn thuế GTGT trong các trường hợp sau:

a. Các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được hoàn thuế trong các trường hợp sau:

- Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng trở lên có lũy kế số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra.

- Các cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng tháng.

b. Các cơ sở kinh doanh mới thành lập thuộc đối tượng đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng chưa có doanh thu bán hàng, chưa có thuế GTGT đầu ra để khấu trừ với thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, vật tư, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì sẽ được xem xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của TSCĐ, vật tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng quý.

c. Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sát nhập, giải thể, chia tách ...có số thuế GTGT nộp thừa thì có quyền đề nghị hoàn thuế .

d. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

e. Tổ chức cá nhân ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hoá dịch vụ tại Việt Nam.

## **V. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán thuế**

### **1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT.**

Thuế GTGT là một phần quan trọng và không ngừng vận động cùng với quá trình vận động của dòng vốn kinh doanh, do vậy việc quản lý thuế GTGT yêu cầu phải toàn diện trên các mặt sau:

- Quản lý thuế GTGT đầu vào: Đây là số tiền mà doanh nghiệp trả thay cho người tiêu dùng, sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hoá, dịch vụ. Nếu đủ tiêu chuẩn hoàn thuế theo qui định thì khoản thuế GTGT đầu vào này sẽ được Nhà Nước hoàn lại, do vậy phải quản lý chặt chẽ khoản thuế này để tránh thất thoát, thiệt hại cho doanh nghiệp.

- Quản lý thuế GTGT đầu ra: Đây là số tiền mà doanh nghiệp thu từ người tiêu dùng khi bán các sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, số thuế này sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào, nếu thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào thì phần lớn hơn đó sẽ phải nộp vào Ngân sách. Do đó, khoản thuế này cũng phải được quản lý chặt chẽ để tránh trường hợp kê thiếu, kê sai nhằm trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách.

- Quản lý số thuế GTGT được hoàn lại: Đây là số tiền mà Nhà Nước hoàn lại cho doanh nghiệp trong một số trường hợp như đã nêu ở phần I, trên thực tế thì đây là một vấn đề rất đáng nói, việc hoàn thuế theo qui định hiện nay đôi khi là một kẽ hở để một số doanh nghiệp lợi dụng, bòn rút Ngân sách.

Vì vậy yêu cầu quản lý khoản thuế này là vô cùng cần thiết và đòi hỏi phải được theo dõi thường xuyên, chặt chẽ và phải thực sự khách quan.

- Quản lý số thuế GTGT phải nộp Ngân sách: Đây là nguồn thu thường xuyên của Ngân sách cho nên việc quản lý nguồn thu này là đương nhiên và hết sức cần thiết.

## 2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT.

## 2.1. Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung :

### 2.1.1 Trách nhiệm :

- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh.
- Kiểm tra đối chiếu hoá đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của từng cơ sở.
- Kiểm tra đối chiếu bảng kê khai hồ sơ xuất khẩu.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của toàn Công ty, phân loại theo thuế suất.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu vào của toàn Công ty theo tỉ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ.
- Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của Công ty.
- Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.
- Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới, đăng ký phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh.
- Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh.
- Lập báo cáo tổng hợp thuế theo định kỳ hoặc đột xuất ( nhóm thuế suất, đơn vị cơ sở ).
- Kiểm tra hoá đơn đầu vào ( sử dụng đèn cực tím ) đánh số thứ tự để dễ truy tìm, phát hiện loại hoá đơn không hợp pháp thông báo đến cơ sở có liên quan.
- Hàng tháng đóng chứng từ báo cáo thuế của cơ sở, toàn Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn thế để báo cáo Cục thuế.
- Lập bảng kê danh sách lưu trữ, bảo quản hoá đơn thuế GTGT theo thời gian, thứ tự số quyển không để hư hỏng thất thoát.

- Kiểm tra đối chiếu biên bản trả, nhận hàng để điều chỉnh doanh thu báo cáo thuế kịp thời khi có phát sinh.
- Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế, soạn thông báo các nghiệp vụ quy định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cơ sở biết thực hiện.
- Lập kế hoạch thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp, nộp ngân sách.
- Yêu cầu chấp hành nguyên tắc bảo mật.
- Cập nhật theo dõi việc giao nhận hoá đơn ( mở sổ giao và ký nhận ).
- Theo dõi tình hình giao nhận hoá đơn các đơn vị cơ sở.
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn trong kỳ.
- Cập nhật và lập giấy báo công nợ các đơn vị cơ sở.

#### 2.1.2. Quyền hạn :

- Đề xuất hướng xử lý các trường hợp hoá đơn cần điều chỉnh, hoặc thanh huỷ theo quy định của Luật thuế hiện hành.
- Nhận xét đánh giá khi có chênh lệch số liệu giữa báo cáo thuế và quyết toán.
- Hướng dẫn kế toán cơ sở thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo đúng quy định.
- Các công việc khác có liên quan đến thuế.

#### 2.1.3. Môi liên hệ công tác :

- Trực thuộc Phòng kế toán Công ty : nhận sự chỉ đạo, phân công, điều hành trực tiếp của phụ trách phòng.
- Khi cung cấp số liệu liên quan đến nghiệp vụ do mình phụ trách đều phải có sự đồng ý của Ban giám đốc hoặc Kế toán trưởng.
- Quan hệ với các Đơn vị nội bộ thuộc Công ty trong phạm vi trách nhiệm của mình đảm nhiệm để hoàn thành tốt công tác.

- Nhận hoặc trao đổi thông tin với kế toán cơ sở nội bộ.

## 2.2 Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng :

- Thứ nhất: Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hoá đơn GTGT.

- Thứ hai: Lập bảng kê thuế hàng tháng, bao gồm:

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Căn cứ để lập các bảng kê trên là hoá đơn GTGT

- Thứ ba: kê khai thuế phải nộp hàng tháng.

Hàng tháng, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ khai thuế GTGT, kèm với bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.

- Thứ tư: Vào sổ kế toán và lập báo cáo thuế.

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ gốc khác như phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có....để vào các sổ chi tiết tài khoản 133 và 3331, đến cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết để lên sổ cái tài khoản 133 và sổ cái tài khoản 3331 hoặc tổng hợp số liệu trên sổ tổng hợp rồi lên sổ cái. Số liệu trên sổ cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

Trên đây là toàn bộ nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT, tuy nhiên trên thực tế, kế toán thuế GTGT còn phải làm nhiều nhiệm vụ khác như: lập giấy xin chi tiền ngân hàng để nộp thuế, lập các báo cáo nội bộ gửi Ban Giám Đốc... Cho dù phải thực hiện toàn bộ công việc kế toán thuế GTGT hoặc chỉ làm một phần trong đó thì yêu cầu mỗi cán bộ kế toán phải có một trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan, trung thực... bởi vì kế toán thuế GTGT rất khó nhưng cũng rất dễ, đòi hỏi cán bộ kế toán thuế phải biết dung hoà giữa chế độ và qui định của Nhà Nước với yêu cầu của chủ doanh nghiệp.

## **VI. Phương pháp kế toán thuế giá trị gia tăng**

### 1. Chứng từ kế toán

Các chứng từ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Hoá đơn GTGT
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra
- Tờ khai thuế GTGT
- Quyết toán thuế GTGT
- ...

Các hoá đơn chứng từ trên đều có mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn có thể đăng ký với cơ quan thuế để tự in hoá đơn theo mẫu của riêng mình cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, các hoá đơn mà doanh

ngành tự in gọi là hoá đơn đặc thù, không một doanh nghiệp nào giống doanh nghiệp nào.

## 2. Tài khoản kế toán

Kế toán thuế GTGT được phản ánh trên tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” và tài khoản 3331 “Thuế GTGT phải nộp” kết cấu của 2 tài khoản này như sau:

### **2.1 Tài khoản 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.**

\* Nội dung : Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ.

Kết cấu :

Nợ	TK133	Có
<u>SPS tăng</u> : Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tăng trong kỳ.		<u>SPS giảm</u> : Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ giảm trong kỳ: - Khấu trừ thuế GTGT - Hoàn thuế GTGT - Phân bổ thuế GTGT
<u>SDCK</u> :- Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đến cuối kỳ.		



TK 133 có 2 TK cấp II:

- TK 1331-Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- TK1332- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của TSCĐ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

***\*Nguyên tắc hạch toán:***

- TK 133 chỉ được sử dụng cho đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Vật tư, hàng hoá, tài sản mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào TK133 đối với vật tư, hàng hoá mua vào để sử dụng cho hoạt động chịu thuế GTGT.

Trong hợp không bóc tách được giá trị vật tư hàng hoá sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng. Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn bán hàng (nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ảnh vào TK1421 “chi phí trả trước”.

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được khấu trừ, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại được khấu trừ tiếp ở kỳ sau. Nếu sau 3 kỳ liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.

- Nếu mua hàng hoá, dịch vụ không có hoá đơn GTGT theo qui định hoặc có hoá đơn nhưng không ghi rõ thuế GTGT hoặc hoá đơn không hợp lệ thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

## 2.2 Tài khoản 3331 - Thuế GTGT phải nộp.

\*Nội dung: Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp.

Kết cấu :

Nợ	TK 3331	Có
<u>SPS giảm</u> : Khấu trừ thuế GTGT - Thuế GTGT được miễn giảm - Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN. - Số thuế GTGT		<u>SPS tăng</u> : Số thuế GTGT phải nộp tăng trong kỳ
<u>SDCK</u> : Số thuế GTGT đã nộp thừa vào Ngân sách		<u>SDCK</u> : Số thuế GTGT còn phải nộp đến cuối kỳ

TK 3331 có 2 TK cấp III:

- TK 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng hóa, dịch vụ: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- TK 33312 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hàng nhập khẩu: Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách.

***\* Nguyên tắc hạch toán:***

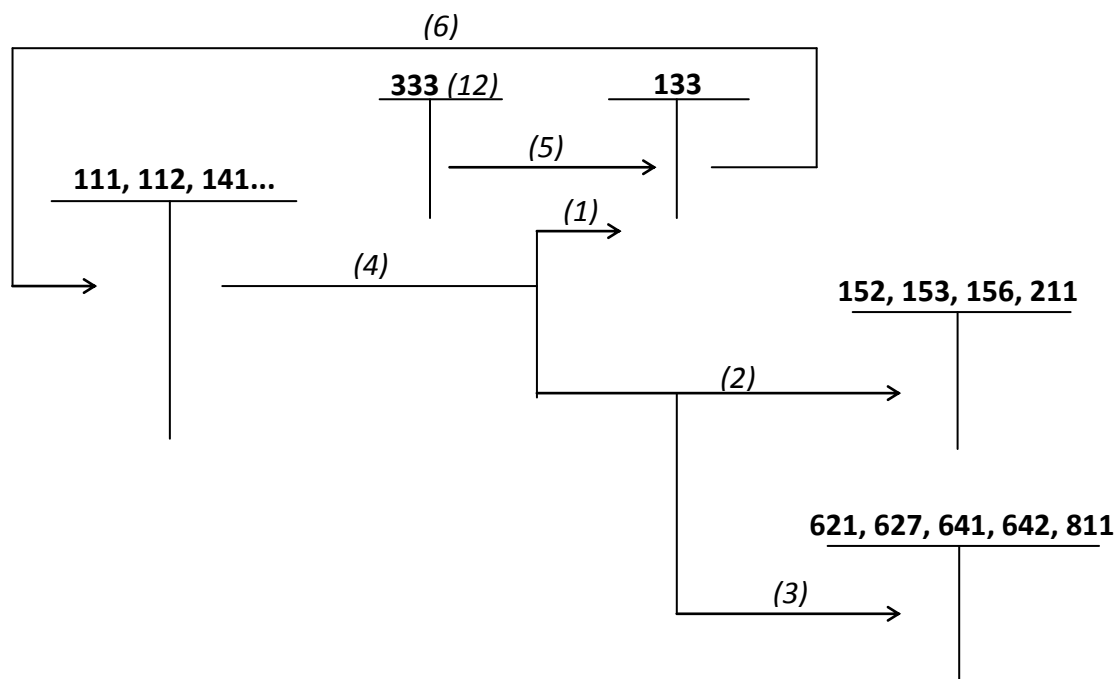
Doanh nghiệp chủ động tính thuế, kê khai thuế phải nộp hàng tháng và nộp thuế đúng thời gian qui định theo thông báo của cơ quan thuế.

### 3. Trình tự kế toán:

#### 3.1 Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp khấu trừ:

##### a. Hạch toán thuế GTGT đầu vào:

Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu vào được thể hiện trên sơ đồ sau:

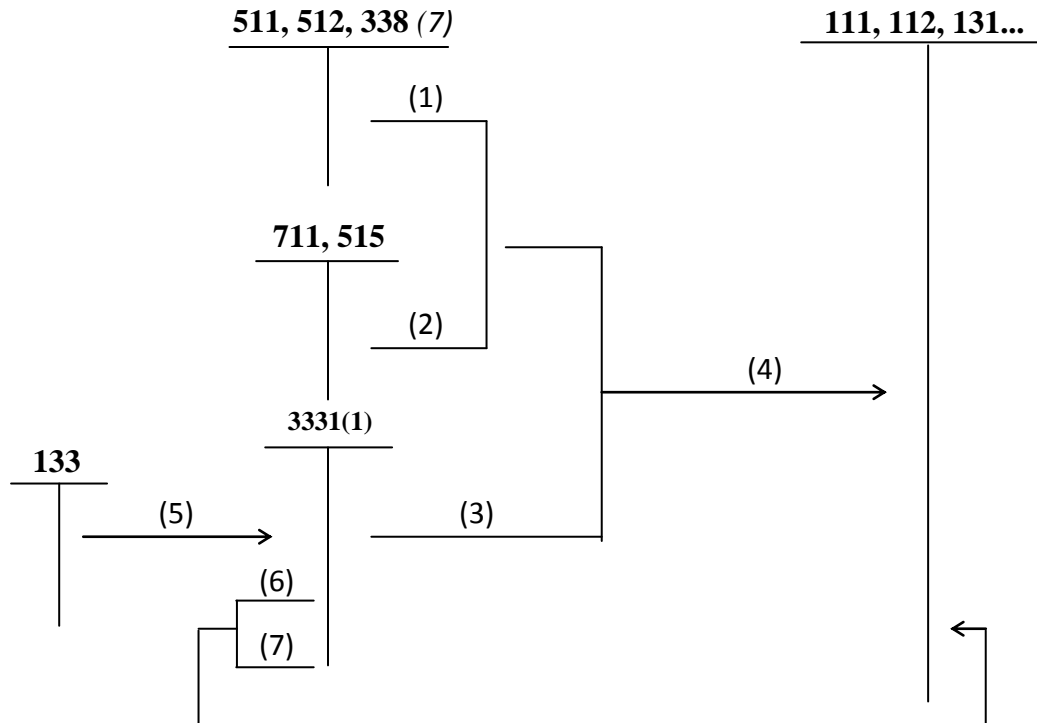


#### **Ghi chú:**

- (1) Thuế GTGT đầu vào.
- (2) Trị giá mua chưa có thuế của hàng hóa, vật tư, TSCĐ... nhập kho.
- (3) Trị giá mua chưa có thuế của vật tư, hàng hóa đưa vào sử dụng ngay.
- (4) Tổng giá thanh toán.
- (5) Thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp được khấu trừ.
- (6) Thuế GTGT được giảm trừ hoặc được hoàn trả đã nhận.

*b. Hạch toán thuế GTGT đầu ra:*

Quá trình hạch toán thuế GTGT đầu ra được thể hiện trên sơ đồ sau:



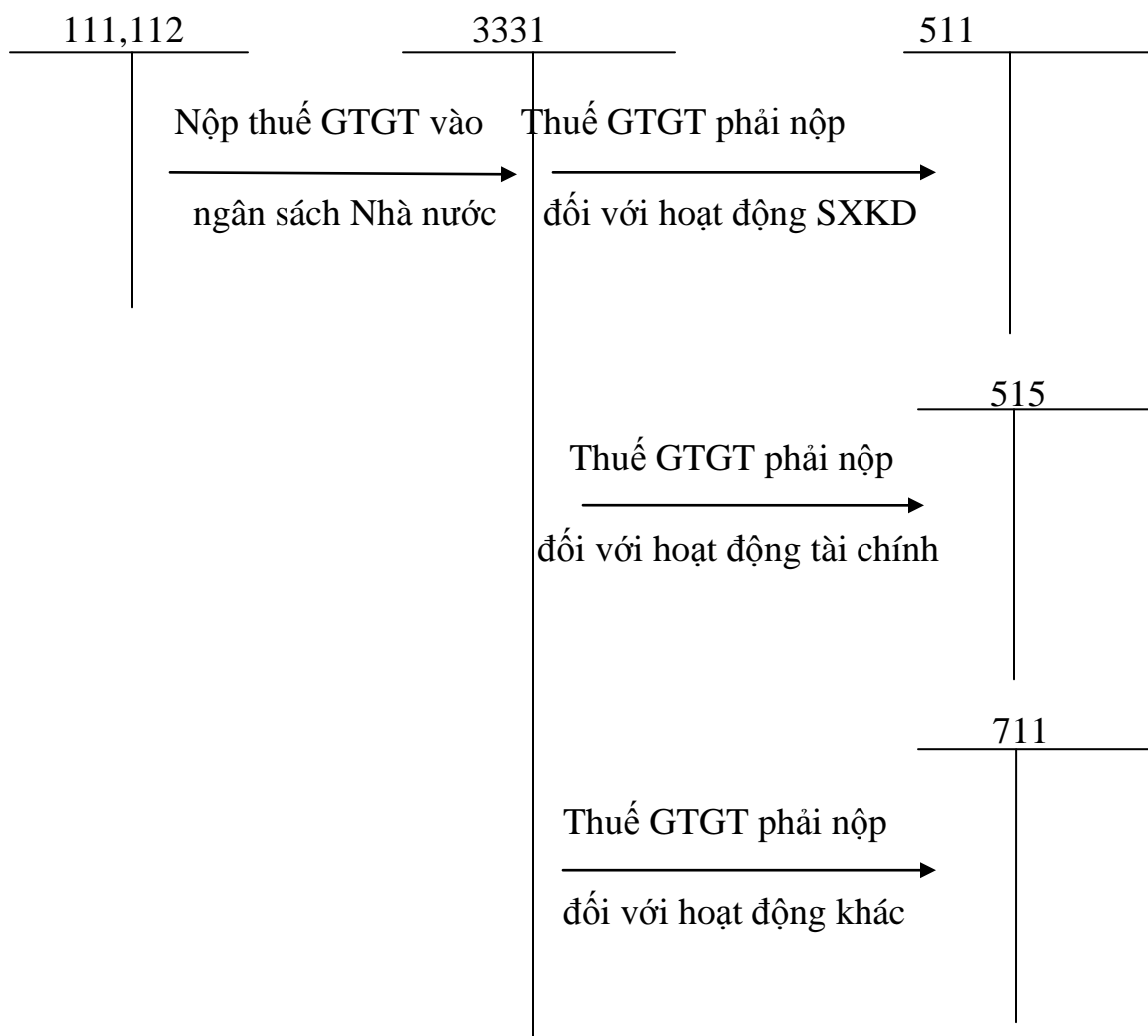
**Ghi chú:**

- (1) Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.
- (2) Thu nhập khác, doanh thu hoạt động tài chính.
- (3) Thuế GTGT đầu ra.
- (4) Tổng giá thanh toán.
- (5) Khấu trừ thuế GTGT.
- (6) Thuế GTGT giảm trừ đã hoàn trả.
- (7) Nộp thuế GTGT vào ngân sách.

3.2 Đối với đơn vị nộp thuế theo phương pháp trực tiếp:

Quá trình hạch toán vẫn thực hiện như đối với phương pháp thuế trừ thuế nhưng trong quá trình hạch toán không xuất hiện TK 133 và TK 33311 do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các tài khoản 156, 151, 157, 511, 512, 515, 711... là giá đã có thuế GTGT.

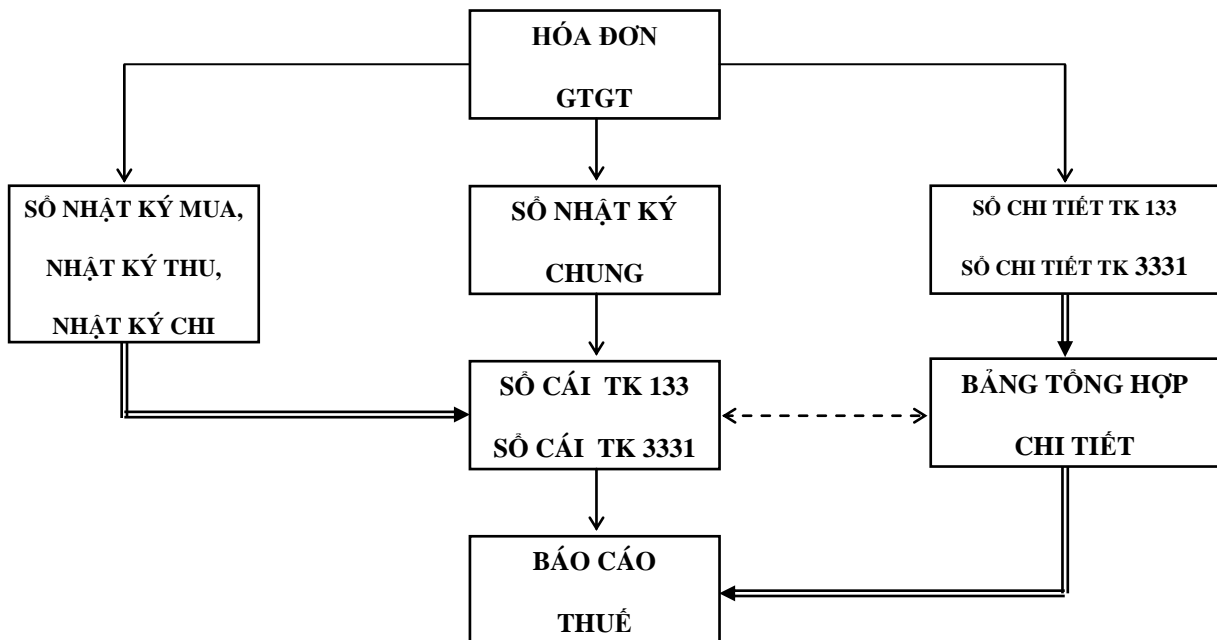
Cuối kỳ sau khi xác định số thuế phải nộp, kế toán hạch toán theo sơ đồ :



4. Tổ chức sổ kế toán:

Theo mỗi hình thức kế toán khác nhau, sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thuế giá trị gia tăng cũng khác nhau. Quy trình ghi sổ diễn ra như sau:

**Theo hình thức Nhật ký chung :**



Tùy theo quy mô của từng doanh nghiệp cũng như tính phức tạp trong công tác kế toán, doanh nghiệp có thể mở thêm các sổ chi tiết liên quan đến kế toán thuế GTGT như sổ chi tiết theo dõi thuế đầu vào, sổ chi tiết theo dõi thuế đầu ra, sổ theo dõi thuế GTGT phải nộp, được khấu trừ... Tuy nhiên phải đảm bảo sự thống nhất và hợp lý trong tổ chức sổ kế toán để nâng cao hiệu quả trong việc tổ chức bộ

máy kế toán và để công việc hạch toán kế toán thực sự là một công cụ quản lý kinh tế hữu hiệu của doanh nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập hiện nay.



## PHẦN II

# THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ TẠI CÔNG TY TNHH 2-9

### I. Khái quát về Công ty TNHH 2-9

#### 1. Giới thiệu về công ty :

Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) 2-9 được thành lập theo số 049138 do Phòng ĐKKD Sở KH-ĐT Hải Phòng cấp ngày : 7-3-1997. Là doanh nghiệp kinh doanh trong các lĩnh vực xây dựng, sản xuất và gia công giày da, thương mại dịch vụ. Doanh nghiệp có sự tham gia góp vốn của hai thành viên ban đầu trực tiếp quản lý với số vốn ban đầu là 8.000.000.000 ( tám tỷ đồng chẵn ). Góp vốn theo tỷ lệ  $\frac{3}{4}$  số vốn và chức danh được bầu theo tỷ lệ vốn góp :

Ông : Lê Văn Hiền – Giám đốc ( Góp 6.000.000.000 VNĐ )

Bà : Nguyễn Thị Dung – Phó giám đốc ( Góp 2.000.000 VNĐ )

#### 2. Vài nét tóm tắt về công ty :

- Tên Công ty bằng tiếng Việt : Công ty TNHH 2-9

Tên bằng tiếng nước ngoài : 2-9 Company Limited

Tên Công ty viết tắt : 2-9 Co.,ltd

- Địa chỉ : 92 Trần Nhân Tông – Quán Trữ - Kiến An - Hải Phòng
- Mã số thuế :
- Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng, sản xuất và gia công giày da, thương mại dịch vụ.

- Vốn điều lệ : 8.000.000.000 ( tám tỷ đồng chẵn )
- Điện thoại : ( 84-0313 ) 676.453
- Giấy đăng ký kinh doanh : Số 049138 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 07/03/1997.

### 3. Chức năng và nhiệm vụ của công ty :

Công ty TNHH 2-9 là một doanh nghiệp tư nhân có đầy đủ tư cách pháp nhân, là một đơn vị hạch toán độc lập hoạt động kinh doanh theo pháp luật và quy định của Nhà nước.

Là Doanh nghiệp chuyên về xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thuỷ lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Sản xuất và gia công giấy dếp, dệt may, hàng tiêu dùng. Sản xuất đồ gỗ. Đại lý mua bán thực phẩm công nghệ, bia, rượu, thuốc lá điếu nội, nước ngọt. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh, dịch vụ nhà hàng ăn uống và dịch vụ vui chơi giải trí. Kinh doanh , dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, khách sạn, kho bãi. Gia công cơ khí, thiết bị, phụ tùng phục vụ công nghiệp – nông nghiệp và dân dụng. Khai thác chế biến và kinh doanh tài nguyên, khoáng sản. Nuôi trồng, kinh doanh, chế biến thuỷ - hải sản.

Với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu về xây dựng tại Hải Phòng, thi công nhiều dự án lớn, công ty đang ngày càng có uy tín trên thị trường, đóng góp một phần không nhỏ vào Ngân sách của Nhà nước, tạo công ăn việc làm cho người lao động, nâng cao điều kiện sống và làm việc của công nhân viên chức toàn công ty.

### 4. Cơ sở vật chất kỹ thuật của đơn vị :

Để đảm bảo phục vụ tốt nhất cho điều kiện hoạt động, kinh doanh của mình Công ty đã trang bị tương đối đầy đủ về cơ sở vật chất : Nhà xưởng, kho bãi, ô tô

vận tải, xe nâng, xe trộn bê tông, máy xúc và cầu trục hành, vi tính phục vụ cho việc quản lý và kế toán phần hành.

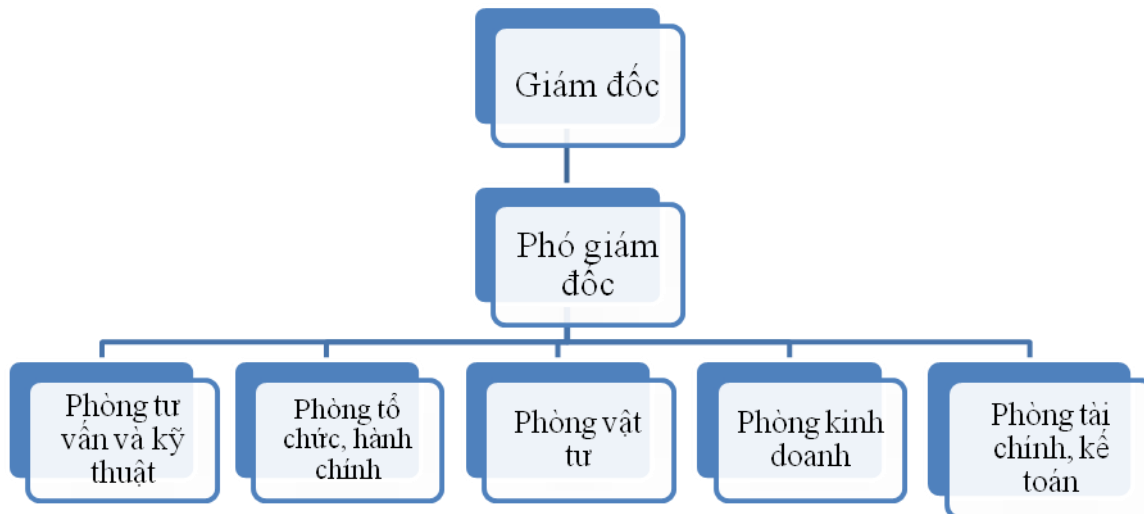
Ngoài ra, công ty còn có bếp ăn tập thể, có bộ phận nấu để phục vụ cho cán bộ công nhân viên bữa trưa nhằm đảm bảo sức khỏe cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

#### 5. Tổ chức bộ máy quản lý :

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường cạnh tranh vô cùng khắc nghiệt, một doanh nghiệp muốn tồn tại, đứng vững và phát triển đòi hỏi cơ cấu quản lý phải khoa học và hợp lý. Đó là nền tảng, là yếu tố vô cùng quan trọng giúp doanh nghiệp tổ chức việc quản lý vốn cũng như quản lý con người được hiệu quả, từ đó quyết định việc doanh nghiệp kinh doanh có lợi nhuận hay không.

Bộ máy quản lý của công ty được phân chia như sau : đứng đầu là giám đốc công ty, sau đó đến phó giám đốc công ty. Tiếp theo là các trưởng phòng chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của công ty và cuối cùng là nhân viên bộ phận.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty :



Bộ máy quản trị của công ty được thực hiện theo phương thức trực tuyến chức năng :

- Giám đốc : là người có thẩm quyền cao nhất trực tiếp quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, là đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước các cơ quan Nhà nước về hoạt động của Công ty.
- Phó giám đốc: là người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm về sản xuất kinh doanh, an toàn lao động, tổ chức quản lý vật tư, ứng dụng công nghệ vào sản xuất.

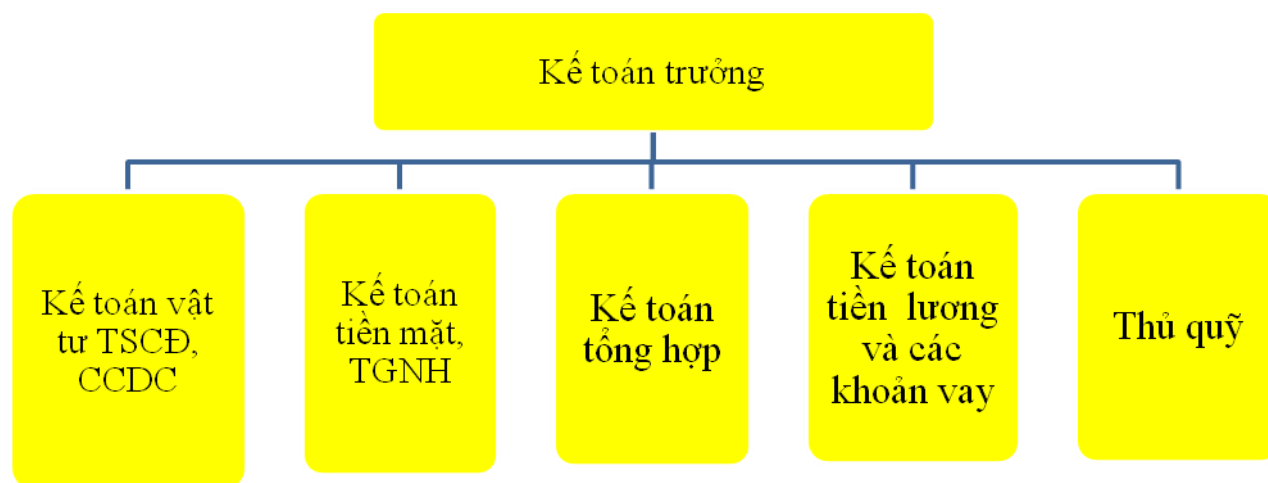
Các phòng ban chức năng gồm :

- Phòng tổ chức, hành chính : có chức năng tổ chức nguồn nhân lực, tổ chức nhân sự, quản lý cán bộ trong phạm vi được phân cấp, tổ chức trả lương thưởng, thực hiện các định mức lao động, bảo vệ tài sản, trật tự, kiểm tra

- đôn đốc việc chấp hành nội quy, bảo vệ sức khỏe của cán bộ công nhân viên, khám chữa bệnh định kỳ, thực hiện vệ sinh phòng chữa bệnh.
- Phòng tài chính kế toán : có chức năng tổ chức thực hiện ghi chép, xử lý cung cấp số liệu về tình hình kinh tế, tài chính, phân phối và giám sát các nguồn vốn bằng tiền, bảo toàn và nâng cao hiệu quả nguồn vốn.
  - Phòng tư vấn và kỹ thuật : có nhiệm vụ nhận hồ sơ thiết kế, nghiên cứu bản vẽ, phát hiện những sai sót trong thiết kế để có những ý kiến sửa đổi bổ sung, giám sát các đơn vị thi công kỹ thuật, chất lượng, tiến độ thi công, lập biện pháp an toàn lao động.
  - Phòng kinh doanh : có nhiệm vụ giám sát và thực hiện tiến độ thi công tại các tổ đội sản xuất và hỗ trợ nghiệp vụ khi cần thiết. Tiến hành khai thác thị trường tại Hải Phòng cũng như các tỉnh thành khác trên toàn quốc.
  - Phòng vật tư : quản lý các thiết bị máy móc toàn công ty, lên kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị, cung cấp thiết bị vật tư theo giấy đề nghị cung cấp vật tư, có kế hoạch vật tư cho từng giai đoạn.

## 6. Đặc điểm tổ chức của bộ máy kế toán

### 6.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH 2-9



### 6.2 Chức năng nhiệm vụ và cơ cấu của phòng kế toán

- Chức năng nhiệm vụ:

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức theo hình thức tập trung toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty.

- Cơ cấu của phòng kế toán.

- ✚ Kế toán trưởng: chịu trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ, phù hợp với yêu cầu hướng dẫn, chỉ đạo kiểm tra công việc do kế toán viên thực hiện, tổ chức lập báo cáo theo yêu cầu quản lý, chịu trách nhiệm trước giám đốc và cấp trên về thông tin kế toán.
- ✚ Kế toán tổng hợp: có trách nhiệm tập hợp chi phí, tính giá thành và xác định kết quả kinh doanh.

- ✚ Kế toán vật tư TSCĐ: có trách nhiệm theo dõi tình hình nhập xuất tồn vật tư, xác định chi phí nguyên vật liệu cho từng công trình, hạng mục công trình. Theo dõi tình hình biến động của TSCĐ, phản ánh đầy đủ kịp thời và chính xác số lượng TSCĐ, tình hình khấu hao, tính đúng chi phí sửa chữa và giá trị trang thiết bị.
- ✚ Kế toán tiền lương và các khoản vay: căn cứ vào bảng duyệt quỹ lương của các đội và khối gián tiếp của công ty, kế toán tiến hành lập tập hợp bảng lương, thực hiện phân bổ, tính toán lương và các khoản phải trả cho cán bộ công nhân viên trong công ty.
- ✚ Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng: có nhiệm vụ mở sổ chi tiết theo dõi các khoản thu tiền mặt, TGNH và các khoản thanh toán cuối tháng, lập bảng kê thu chi và đối chiếu với kế toán tổng hợp.
- ✚ Thủ quỹ: căn cứ vào chứng từ thu, chi đã được phê duyệt thủ quỹ tiến hành phát, thu, nộp tiền ngân hàng, cùng với kế toán tiền mặt quản lý tiền của doanh nghiệp.

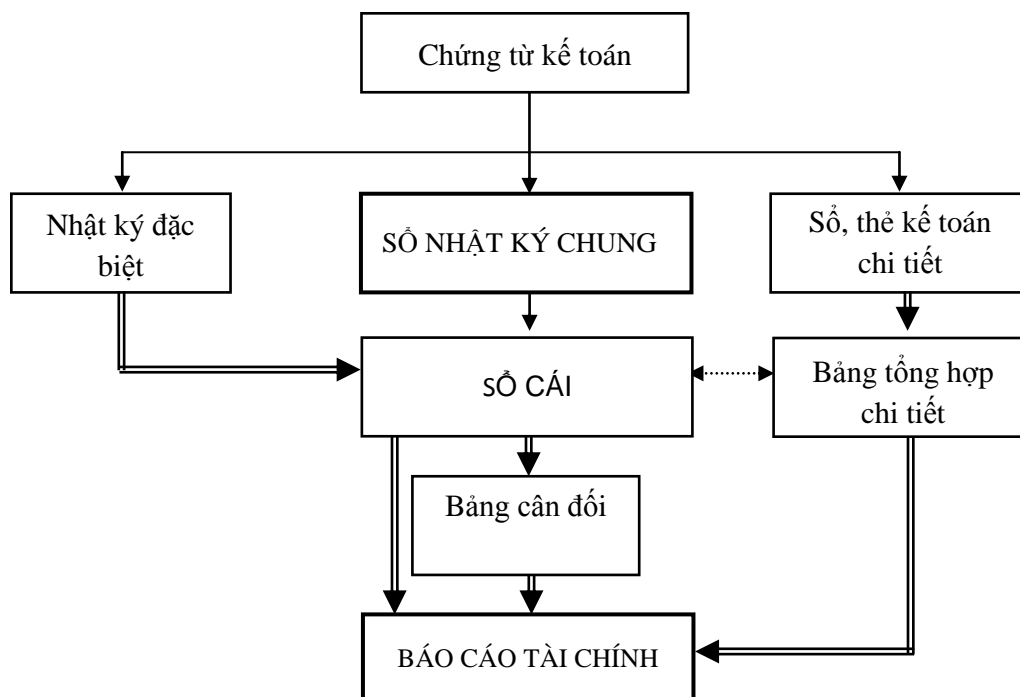
## 7. Đặc điểm tổ chức bộ sổ kế toán.

Là đơn vị kinh doanh về nhiều lĩnh vực trên quy mô lớn. Xuất phát từ đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty là khối lượng nghiệp vụ phát sinh nhiều nên công ty đã áp dụng hình thức sổ kế toán “Nhật ký chung”. Với hình thức này, kế toán sử dụng những sổ sách theo biểu mẫu quy định, đó là các sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt, sổ kế toán chi tiết, sổ cái tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết, bảng cân đối số phát sinh.

Trên cơ sở sổ Nhật ký chung thì sổ cái, bảng tổng hợp, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh và thuyết minh báo cáo tài chính được lập theo quý và theo năm.

*Trình tự luân chuyển chứng từ và tính giá thành sản phẩm của công ty được khái quát như sau:*

## TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



### Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.



Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

## **II. Tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH 2-9**

### 1. Các mức thuế suất được áp dụng:

Công ty TNHH 2-9 hiện đang áp dụng các mức thuế suất sau: 5%, 10%.

#### *1.1 Mức thuế suất 5%:*

Công ty áp dụng mức thuế suất 5% khi bán ra hàng hoá là đường kính trắng.

Những mặt hàng mua vào là xi măng và đường kính trắng.

#### *1.2 Mức thuế suất 10%:*

Đây là mức thuế suất được áp dụng chủ yếu với các mặt hàng của Công ty.

Đối với hàng hóa dịch vụ mua vào:

- Sữa chua, sữa bột, bánh kẹo các loại, điện, xăng dầu, đồ hộp, dầu ăn, cát đá
- Các dịch vụ như: dịch vụ bưu điện, bưu chính viễn thông và Internet, các dịch vụ tư vấn.

Đối với dịch vụ bán ra :

- Dầu ăn, sữa tươi, đồ hộp, nước hoa quả, điện.

## 2. Hạch toán ban đầu:

Công ty áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ do vậy Công ty thực hiện đầy đủ hoá đơn chứng từ theo quy định của Nhà nước.

- Hoá đơn GTGT mẫu số 01 GTKT.
- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01 GTGT.
- Bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào và bán ra theo mẫu quy định của Bộ tài chính và các chứng từ hoá đơn đặc thù khác.

Dưới đây là một số chứng từ phản ánh một số nghiệp vụ chủ yếu của Công ty liên quan đến thuế GTGT.

### *2.1. Chứng từ đầu vào :*

Ví dụ :

- Ngày 2/11/2009 : Hoá đơn GTGT số 91957 do Công ty TNHH Trung Đức cung cấp. Nội dung hoá đơn là bán xi măng cho Công ty TNHH 2-9, với giá trị chưa thuế là 16.761.880 đồng, thuế suất 5%.

- Ngày 11/11/2009 : Hoá đơn GTGT số 83207 do Chi nhánh Công ty thực phẩm miền Bắc tại Hải Phòng cung cấp. Nội dung hoá đơn là bán đường kính trắng cho Công ty TNHH 2-9, với giá trị chưa thuế là 2.085.714 đồng, thuế suất 5%.
- 01/11/2009 : Hoá đơn GTGT số 91952 do Công ty TNHH Trung Đức cung cấp. Nội dung hoá đơn là bán xi măng cho Công ty TNHH 2-9, với giá trị chưa thuế là 16.761.880, thuế suất 10%.
- 01/11/2009 : Hoá đơn GTGT số 40024 do Công ty cổ phần thực phẩm công nghệ Đồng Lợi cung cấp. Nội dung hoá đơn là bán sữa chua cho Công ty TNHH 2-9, với giá trị chưa thuế là 18.084.600, thuế suất 10%.

## 2.2 Chứng từ đầu ra :

Ví dụ :

- Ngày 02/11/2009 : Hoá đơn GTGT số 40966 do Công ty TNHH 2-9 cung cấp cho Xí nghiệp xăng dầu Hải An. Nội dung hoá đơn là bán đường kính trắng cho Xí nghiệp, với giá trị chưa thuế là 685.714 đồng, thuế suất 5%.
- Ngày 02/11/2009 : Hoá đơn GTGT số 88985 do Công ty TNHH 2-9 cung cấp cho Công ty cổ phần Long Đức. Nội dung hoá đơn là bán sữa tươi cho Công ty Long Đức, với giá trị chưa thuế là 18.078.000, thuế suất 10%.

- Ngày 02/11/2009 : Hoá đơn GTGT số 40964 do Công ty TNHH 2-9 cung cấp cho Công ty TNHH cơ khí Việt Nhật. Nội dung hoá đơn là bán sữa các loại cho Công ty Việt Nhật, với giá trị chưa thuế là 1.306.023, thuế suất 10%.
- Ngày 16/11/2009 : Hoá đơn GTGT số 88989 do Công ty TNHH 2-9 kê bán lẻ các loại mặt hàng từ 01/11 đến 16/11, với giá trị chưa thuế là 361.313.346, thuế suất 10%.

### 3. Quy trình lập tờ khai thuế giá trị gia tăng:

Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế “ do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế.

Phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế “ cung cấp cho Công ty các chức năng sau :

- Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật thuế.
- Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều thuận lợi cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều ( mã hoá thông tin thành các mã vạch ) sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hoá thông tin trên tờ khai, cơ quan Thuế đảm bảo sẽ ghi nhận, xử lý thông tin kê khai của tổ chức cá nhân nộp thuế đầy đủ, chính xác và nhanh chóng.

Sau khi kê khai cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành ( in thành ba bộ, cơ quan thuế sẽ lưu giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu giữ tại Công ty để phục vụ công tác thanh kiểm tra sau này ).

Tại thời điểm năm 2009 Công ty TNHH 2-9 đang sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 2.1. Song hiện tại do yêu cầu của cơ quan thuế, Công ty đã chuyển sang dùng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 2.5.1.

Dưới đây là những giới thiệu sơ bộ khi sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai :



Sau khi bật phần mềm lên, kế toán viên sẽ thấy giao diện như hình trên. Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty vào phần “ Mã số thuế “. Sau đó kích chuột vào chữ “ Đồng ý “

Nếu như là lần đầu tiên sử dụng phần mềm sẽ hiện lên giao diện như sau :

The screenshot shows a software window titled "Thông tin chung về người nộp thuế" (General information about the taxpayer). The interface contains several input fields and dropdown menus for entering tax-related data. The fields are as follows:

Mã số thuế:	0 2 0 0 1 9 4 6 2 7
Người nộp thuế:	Công ty TNHH 2-9
Địa chỉ trụ sở:	Số 32 Trần Nhân Tông
Quận/huyện:	Đông An
Tỉnh/Thành phố:	Hải Phòng
Điện thoại:	
Fax:	
Email:	
Nghề nghiệp kinh doanh:	
Số TK ngân hàng:	
Ngày bắt đầu nộp thuế (Đã nộp):	01/00
Người ký tờ khai:	
Cơ quan thuế cấp Cục:	HPH - Cục Thuế TP Hải Phòng
Cơ quan thuế quận/huyện:	Cục Thuế TP Hải Phòng

At the bottom of the window, there are "OK" and "Close" buttons. The Windows taskbar at the bottom shows the Start button, several open applications, and the system tray with the date and time (1:28 AM, Monday, 20/11/2010).

Trên giao diện này bắt buộc người sử dụng phải điền đầy đủ thông tin về doanh nghiệp của mình. Một số thông tin bắt buộc như :

- Người nộp thuế : ở đây phải điền là “ Công ty TNHH 2-9 “
- Địa chỉ trụ sở : ở đây điền là “ 92 Trần Nhân Tông “
- Quận/ huyện : ở đây điền là “ Kiến An “
- Tỉnh/ thành phố : ở đây điền là “ Hải Phòng “
- Điện thoại, fax, email, ngành nghề kinh doanh, số TK ngân hàng, người ký tờ khai có thể bỏ qua.
- Ngày bắt đầu năm tài chính : ở đây điền là “ 01/01 “
- Cơ quan thuế cấp Cục : sẽ có cho mình lựa chọn, tùy theo doanh nghiệp của mình ở tỉnh hay thành phố nào trên toàn quốc, ở đây ta chọn “ HPH- Cục thuế TP Hải Phòng “
- Cơ quan thuế quản lý : sẽ có chi cục thuế các quận và thành phố. Ví dụ như : Chi cục thuế quận Hồng Bàng, chi cục thuế quận Lê Chân ... và cục thuế thành phố Hải Phòng. Kế toán chọn cục thuế TP Hải Phòng vì Công ty do cục thuế quản lý.

Tiếp đó kế toán kích chuột vào chữ “ Ghi “ sau khi có dòng chữ “ Đã ghi dữ liệu thành công “, kế toán đóng giao diện đó lại bằng cách kích vào chữ “ Đóng “. Ngay sau đó một giao diện mới sẽ hiện ra.





Lúc này kế toán sẽ lựa chọn dòng “ Tờ khai GTGT khấu trừ ( 01/GTGT ). Giao diện tiếp theo là :



Ở phần chọn phụ lục kê khai kế toán sẽ chọn “ PL 01-1/GTGT “ và “ PL 01-2/GTGT “ rồi kích chuột vào “ đồng ý “. Kế toán chỉ sử dụng “ PL 01-3/GTGT “ sau khi phát hiện Tờ khai thuế giá trị gia tăng mà mình nộp cho cơ quan thuế có sai sót, cần phải điều chỉnh hay bổ sung.

Ở giao diện mới xuất hiện ta sẽ thấy có dòng chữ nhỏ ở phía dưới cùng bên tay trái “ Tờ khai “ , “ PL 01-1/GTGT “ , “ PL 01-2/GTGT “.

Kích chuột vào “ PL 01-1/GTGT “ nếu như muốn kê khai hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Hoá đơn, chứng từ bán				Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Đơn vị số bán chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
STT	Kỳ bán hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT										
1								0		
		Tổng						0		
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%										
1								0%		
		Tổng						0	0%	
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%										
1								5%		
		Tổng						0	5%	
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%										
1								10%		
		Tổng						0	10%	
Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra										0
Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra										0

Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hoá đơn, chứng từ bán ra. Phần này có chia ra thành các phần như sau :

1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%

Khi kê khai lưu ý cần phải điền cho thật chính xác thông tin.

Ví dụ : Ngày 02/11/2009 Công ty TNHH 2-9 có bán đường kính trắng cho Xí nghiệp xăng dầu Petec An Hải. Hoá đơn số 40966, với giá trị chưa thuế là 685.714, thuế suất là 5%.

Kế toán kê khai như sau : vào phần 3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 5%. Điền đầy đủ các thông tin như :

- Ký hiệu hoá đơn : là LT/2009B.
- Số hoá đơn : là 40966.
- Ngày, tháng năm phát hành : là ngày tháng ghi hoá đơn cho khách. Ở đây là 02/11/2009.
- Tên người mua : là Xí nghiệp xăng dầu Petec An Hải.
- Mã số thuế người mua : 0300649476051
- Mặt hàng : đường kính trắng.
- Doanh số bán chưa có thuế : 685.714
- Thuế suất : 5%.
- Thuế giá trị gia tăng : 34.286

Điền hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi.

Tương tự như trên ta sẽ kê khai các hoá đơn có thuế suất 10%.

Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “ ghi “. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “ Đã ghi số liệu thành công “. Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ “ Đóng “. Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ bán ra.

Kích chuột vào “ PL 01-2/GTGT “, nếu như muốn kê khai hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.

**BẢNG KÊ HOẠ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO**

STT	Hoá đơn, chứng từ, biểu lai nộp thuế				Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Đơn vị mua chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành								
(01)	00	00	00	00	00	00	00	00	00	00	00
1. Hàng hoá, dịch vụ đồng nghĩa cho SKEE chịu thuế GTGT:											
1								0	0%	0	
Tổng										0	
2. Hàng hoá, dịch vụ đồng nghĩa cho SKEE không chịu thuế GTGT:											
1								0	0%	0	
Tổng										0	
3. Hàng hoá, dịch vụ đồng nghĩa cho SKEE chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT:											
1								0	0%	0	
Tổng										0	

Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:

Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:

Ở phần này, kế toán cũng thực hiện các thao tác y như với phần kê khai bán ra, nhưng hoá đơn là những hoá đơn mua vào.

Kế toán chỉ cần kê khai ở trong 2 phụ lục này, dữ liệu sẽ tự nhảy sang Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

The screenshot shows a software window titled "TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)" for the month of August 2000. The user is identified as "Công ty TNHH 2-9". The table below represents the data entered in the software:

STT	Mô Tả	Giá trị HSDV	Thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[16]	0 [17]
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HSDV mua vào các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng	[18]	0 [19]
b	Điều chỉnh giảm	[20]	0 [21]
3	Tổng số thuế GTGT của HSDV mua vào [22]=[18]+[19]-[21]		0 [22]
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		0 [23]
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ [24]=[25]+[27]+[28]+[29]	[24]	0 [26]
1.1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[25]	0
1.2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT [27]=[28]+[30]+[31]+[32]	[27]	0 [30]
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 0%	[28]	0
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 5%	[30]	0 [31]
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 10%	[32]	0 [33]
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HSDV bán ra các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng	[34]	0 [35]
b	Điều chỉnh giảm	[36]	0 [37]
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HSDV bán ra [38]=[24]+[34]+[36]+[39]+[35]+[37]	[38]	0 [39]
III	Đặc biệt nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ		

#### 4. Một số quy định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng

##### *4.1. Một số quy định chung :*

4.1.1. Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:

- “GTGT” là các ký tự viết tắt của cụm từ “giá trị gia tăng”
- “CSKD” là các ký tự viết tắt của cụm từ “cơ sở kinh doanh”
- “HHDV” là các ký tự viết tắt của cụm từ “hàng hóa, dịch vụ”.

4.1.2. Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng... năm...) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [09] như:

-[01] : Kỳ tính thuế : tháng 11 năm 2009

-[02] : Người nộp thuế : Công ty TNHH 2-9

-[03] : Mã số thuế : 0200194627

-[04] : Địa chỉ trụ sở : Số 92 Trần Nhân Tông



-[05] : Quận/huyện : Kiến An

-[06] : Tỉnh/thành phố : Hải Phòng

-[07] : Điện thoại : 0313676520

-[08] : Fax : 0313676453

-[09] : Email : Congtytnhh29@gmail.com

4.1.3. Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT. Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi. Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn không thì phân số ghi vào Tờ khai được để trong ngoặc (...). Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có Bảng giải trình đính kèm.

4.1.4. Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu tại các điểm 1,2,3 mục I này và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

*4.2. Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế giá trị gia tăng ( mẫu số 01/GTGT )*

#### **A- Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ**

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán hàng hoá dịch vụ thì đánh dấu “X” vào ô mã số [10], đồng thời không phải điền số liệu vào các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

#### **B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang**

Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang được ghi vào mã số [11]



-[11] : 948.810.416

## **C- kê khai thuế GTGT phải nộp ngân sách Nhà nước**

### **I- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) mua vào**

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại Tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

#### **1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ”**

- **Mã số [12]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT, bao gồm giá trị HHDV mua vào trong nước và nhập khẩu.

-[12] : 2.815.007.688

- **Mã số [13]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ, bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong nước và số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu.

-[13] : 276.947.215

#### **2. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong nước”**

- **Mã số [14]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong nước (giá trị chưa có thuế GTGT) theo chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ.

-[14] : 2.815.007.688

- **Mã số [15]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế giá trị gia tăng trên các hoá đơn GTGT và các chứng từ đặc thù (do cơ sở kinh doanh tính lại) của hàng hoá dịch vụ mua vào trong nước.

-[15] : 276.947.215

### **3.Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ nhập khẩu”**

- **Mã số [16]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị của HHDV nhập khẩu trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT)

-[16] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [17]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu trong kỳ.

-[17] : Không phát sinh trong kỳ

### **4. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước”.**

- **Mã số [18], [20]**: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh giá trị của HHDV mua vào (giá trị chưa có thuế GTGT) điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

-[18] [20] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [19], [21]**: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh số thuế GTGT của HHDV mua vào điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

-[19] [20] : Không phát sinh trong kỳ

### **5. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào”**

- **Mã số [22]** : Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước.

-[22] : 276.947.215

## **6. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này”**

- **Mã số [23]** : Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT được khấu trừ.

-[23] : 276.947.215

## **II- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) bán ra**

### **1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ”**

- **Mã số [24]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT), bao gồm HHDV bán ra không chịu thuế GTGT và HHDV bán ra chịu thuế GTGT.

-[24] : 2.753.636.266

- **Mã số [25]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra, tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ đã ghi vào mã số [24]. Số liệu ở mã số này bằng số liệu ghi ở mã số [28].

-[25] : 275.329.342

### **2. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT”**

- **Mã số [26]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế của cơ sở kinh doanh.

-[26] : Không phát sinh trong kỳ

### **3. Chỉ tiêu “Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT”**

- **Mã số [27]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT.

-[27] : 2.753.636.266

- **Mã số [28]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27] .

-[28] : 275.329.342

### **4. Chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%"**

- **Mã số [29]**: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%.

-[29] : Không phát sinh trong kỳ

### **5. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% " :**

- **Mã số [30]**: Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%.

-[30] : 685.714

- **Mã số [31]**: Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30].

-[31] : 34.286

### **6. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%" :**

- **Mã số [32]:** Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%.

-[32] : 2.752.950.552

- **Mã số [33] :** Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32].

-[33] : 275.295.056

### **7. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước” :**

- **Mã số [34], [36]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm của tổng giá trị của HHDV bán ra (giá trị chưa có thuế GTGT) của các kỳ kê khai trước.

-[34] [36] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [35], [37]:** Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm số thuế GTGT của HHDV bán ra của các kỳ kê khai trước.

-[35] [37] : Không phát sinh trong kỳ

### **8. Chỉ tiêu “Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra” :**

- **Mã số [38]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng giảm của các kỳ kê khai trước.

$$[38] = [24] + [34] - [36]$$

- [38] : 2.753.636.266

- **Mã số [39]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra bao gồm số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh

tăng, giảm thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước. Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức :

$$[39] = [25] + [35] - [37]$$

$$-[39] : 275.329.342$$

### III- Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ :

#### 1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT phải nộp trong kỳ”:

- Mã số [40]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức :

$$[40] = [39] - [23] - [11] \geq 0$$

Trường hợp kết quả tính toán của chỉ tiêu  $[39] = 0$  thì phải ghi số “0” vào kết quả.

#### 2. Chỉ tiêu : “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ”:

- Mã số [41]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

$$[41] = [39] - [23] - [11] < 0$$

Nếu đã có số liệu để ghi vào chỉ tiêu [41] thì sẽ không có số liệu ghi chỉ tiêu [40].

$$-[41] : 950.428.289$$

#### 3. Chỉ tiêu “Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này ”

- Mã số [42]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà CSKD đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

$$-[42] : \text{Không phát sinh}$$

#### 4. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau :

- Mã số [43]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$[43] = [41] - [42]$$

Kết quả của mã số [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [11] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo.

-[43] : 950.428.289

## 5. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán:

### *5.1. Tài khoản sử dụng :*

TK 133 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

TK 1331 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hàng hoá, dịch vụ

TK 13311 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ có hoá đơn

TK 3331 : Thuế giá trị gia tăng

TK 33311 : Thuế giá trị gia tăng đầu ra

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Các loại sổ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản theo ngày TK 133, TK 3331
- Sổ cái tài khoản tổng hợp TK 133, TK 3331
- Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản TK 133, TK 3331

### *5.2. Sơ đồ hạch toán :*

#### ***Quy trình ghi sổ kế toán được khái quát theo sơ đồ sau***



————→ Ghi hàng ngày

←.....→ Quan hệ đối chiếu

Số liệu để vào sổ chi tiết tài khoản 133 và sổ chi tiết tài khoản 3331 là hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ của hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra. Hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng, kế toán tiêu thụ sẽ căn cứ vào hoá đơn bán hàng (GTGT) để vào sổ chi tiết bán hàng, kế toán thanh toán, kế toán tiền mặt, kế toán ngân hàng sẽ tiến hành vào sổ công nợ, sổ tiền mặt, sổ tiền gửi Ngân hàng sau đó chuyển hoá đơn đến bộ phận kế toán thuế GTGT để vào sổ chi tiết tài khoản 3331. Khi có các nghiệp vụ phát sinh



liên quan đến mua hàng hoá, dịch vụ, kế toán vật liệu sẽ căn cứ vào phiếu nhập kho để và sổ chi tiết vật liệu, kế toán chi phí sẽ căn cứ vào hoá đơn GTGT để vào sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh, và các bộ phận kế toán thanh toán sẽ căn cứ vào hoá đơn GTGT và phiếu chi để vào sổ chi tiết thanh toán, sổ quỹ tiền mặt... sau đó hoá đơn GTGT được chuyển đến bộ phận kế toán thuế GTGT để vào sổ chi tiết tài khoản 133...

Cụ thể quá trình ghi sổ diễn ra như sau:

Hàng ngày các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tất cả được phản ánh vào sổ nhật ký chung căn cứ vào chứng từ gốc, đồng thời từ các chứng từ gốc, hoặc sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ chi tiết TK 133 và 3331.

Trích mẫu sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản 133, 3331.

### PHẦN III

## MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH 2-9

## **I. Yêu cầu của việc hoàn thiện :**

### 1. Hoàn thiện phải phù hợp với chế độ chính sách và chuẩn mực kế toán :

Như ta đã biết, yêu cầu của công tác kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng là phải tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán mới nhất cũng như những chế độ, chính sách tài chính của Nhà Nước. Một doanh nghiệp cho dù hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nào, thuộc loại hình nào thì cũng phải tuân thủ theo đúng những qui định của Bộ Tài Chính trong việc sử dụng, ghi chép hoá đơn, chứng từ, kê khai thuế, khấu trừ thuế và nộp thuế. Nếu doanh nghiệp không làm theo đúng những qui định hiện hành về thuế thì lập tức sẽ có sự can thiệp của cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Chính vì vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT phải theo hướng phù hợp với chế độ chính sách thuế cũng như chuẩn mực kế toán hiện hành, một mặt để thuận lợi trong công tác quản lý, mặt khác để không vi phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà Nước. Nhà Nước ta luôn tạo điều kiện thuận lợi, đối xử công bằng đối với tất cả các doanh nghiệp, bất cứ doanh nghiệp nào kinh doanh không đúng pháp luật thì đều bị xử phạt nghiêm minh. Nếu như doanh nghiệp thực hiện đúng theo những qui định, hướng dẫn của Nhà Nước thì đương nhiên là sẽ được hưởng ưu đãi trong mọi lĩnh vực.

### 2. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp :

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại doanh nghiệp nói chung và tại Công ty TNHH 2-9 nói riêng không chỉ phải phù hợp với chính sách, chế độ và chuẩn mực kế toán của Nhà Nước mà phải đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Tùy theo từng loại hình doanh nghiệp, từng ngành nghề kinh doanh khác nhau, triết lý kinh doanh của người chủ doanh nghiệp khác nhau thì cách thức quản lý tại từng doanh nghiệp cũng khác nhau. Chính vì vậy việc hoàn thiện phải đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, bởi vì bất kỳ một

doanh nghiệp nào khi đã bước chân vào thương trường thì đều đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu. Công việc quản lý của người chủ là đề ra mục tiêu, xây dựng phương hướng, cách thức thực hiện mục tiêu và chỉ ra những nguồn lực cần thiết để đạt được mục tiêu đó. Thuế GTGT không ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp vì bản thân doanh nghiệp không phải là đối tượng chịu thuế nhưng sự vận động của nó ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn của doanh nghiệp cho nên xét đến cùng thì nó cũng phần nào ảnh hưởng gián tiếp đến lợi nhuận kinh doanh. Do đó thuế GTGT là đối tượng quản lý trực tiếp của bất kỳ doanh nghiệp nào kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận. Việc hoàn thiện nếu không đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp thì sẽ mất đi ý nghĩa chủ quan của nó, về mặt lý thuyết nếu thiếu bất kỳ một ý nghĩa nào thì không được coi là hoàn thiện. Nói tóm lại trên đây là hai yêu cầu được đặt ra trước hết của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng, dưới đây tôi sẽ đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại đơn vị thực tập căn cứ vào hai yêu cầu đó.

## **II. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH 2-9 :**

### 1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH 2-9 :

Công ty TNHH 2-9 là Công ty do cá nhân làm chủ nên bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, nghiệp vụ phát sinh đến thời điểm này là chưa nhiều tuy nhiên Công ty vẫn thực hiện đầy đủ các phân hành kế toán theo yêu cầu quản lý của Công ty. Công ty đã bắt đầu ứng dụng phần mềm kế toán đối với việc quản lý tài chính, tuy vậy việc thực hiện kế toán trên sổ vẫn là chủ yếu, phần mềm kế toán mà Công ty sử dụng chỉ như một công cụ hỗ trợ cho việc tính toán, chính nhờ vậy mà giảm nhẹ được khối lượng công việc và nâng cao

hiệu quả công tác kế toán. Công tác kế toán của Công ty đều tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng những quy định của Bộ tài chính, đặc biệt là trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng, Công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng dẫn, khi có bất kỳ một sự sửa đổi nào về luật thuế GTGT, đơn vị đều làm theo những hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế. Qua quá trình nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty mà cụ thể là tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, về cơ bản em nhận thấy Công ty đều làm đúng theo chế độ kế toán về thuế GTGT, thực hiện việc kê khai thuế, nộp thuế theo đúng như hướng dẫn của cơ quan thuế.

Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác kê khai thuế GTGT của Công ty vẫn tồn tại những hạn chế. Cụ thể là:

***\*/ Về ưu điểm:***

- Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT như: Hoá đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào, bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ bán ra, tờ khai Thuế GTGT...

- Kê khai đầy đủ các hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào cũng như bán ra theo đúng thời gian quy định. Riêng bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào tháng 11/2009 có một vài hoá đơn chứng từ của tháng 10/2009, điều này là hoàn toàn hợp lý bởi theo Luật thuế hiện hành nếu chưa có đầy đủ hoá đơn chứng từ để kê khai trong tháng này thì có thể kê khai vào tháng sau, tối đa không quá 6 tháng, việc kê khai hoá đơn chứng từ của tháng 10 vào bảng kê của tháng 11 là vẫn nằm trong thời gian quy định.

- Công ty đã áp dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản mới nhất trong việc kê khai thuế, giúp cho việc kê khai tương đối thuận tiện, nhanh chóng và chính xác.
- Việc khấu trừ thuế GTGT và nộp thuế GTGT đều thực hiện theo đúng quy định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

***\*/ Về hạn chế:***

- Công ty chưa tiến hành lập bảng kê bán lẻ theo quy định tại các cửa hàng bán lẻ mà tất cả các nghiệp vụ bán hàng đều được phản ánh chung vào bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra, do vậy sẽ khó khăn trong việc theo dõi chi tiết doanh thu bán lẻ và doanh thu bán buôn dẫn đến hạn chế trong công tác quản lý các kênh phân phối sản phẩm cũng như việc thúc đẩy tiêu thụ.
- Thiếu đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 133, TK 3331 với bảng kê và tờ khai thuế. Dẫn đến số liệu không khớp( trong tháng 11 ta thấy số liệu không hề khớp với bảng kê, khi ta lấy số dư đầu kỳ của TK 133 trừ đi số dư đầu kỳ của TK 3331 là  $2.879.338.435 - 1.932.607.039 = 946.731.396$  và số dư cuối kỳ của TK 133 trừ đi số dư cuối kỳ của TK 133 là  $3.156.285.649 - 2.207.936.381 = 948.349.268$ ; như vậy là lệch mất 2.079.021 so với tờ khai thuế, việc này chỉ được phát hiện vào tháng 12 và sau đó Công ty đã điều chỉnh lại )
- Đồng thời ngược lại kế toán ghi sổ không cập nhật kịp thời các nghiệp vụ tăng giảm doanh thu dẫn đến việc không phản ánh được kịp các nghiệp vụ tăng giảm thuế.
- Trên tờ khai số thuế được hoàn còn quá lớn ( con số đến tháng 11 là 950.428.289 ).

- Kế toán thuế là một mảng rất quan trọng trong công tác kế toán của bất kỳ doanh nghiệp nào, nhưng tại Công ty vẫn chưa có một kế toán độc lập phụ trách mảng thuế, kế toán tổng hợp kiêm luôn kế toán về thuế dẫn đến việc theo dõi chặt chẽ là hết sức khó khăn và không khách quan. Nguyên nhân theo em là do việc bố trí nhân viên và phân bổ khối lượng công việc là chưa thực sự hợp lý.

-Tất cả các nghiệp vụ đều được phản ánh vào sổ nhật ký chung, Công ty không mới chỉ mở các sổ nhật ký đặc biệt như nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền chứ chưa mở sổ nhật ký mua hàng và nhật ký bán hàng; vậy theo em là chưa đúng với hình thức nhật ký chung mà Công ty đang áp dụng.

Trên đây là một vài tồn tại trước mắt, bộ phận kế toán của Công ty nên đưa ra các biện pháp giải quyết để công tác kế toán thuế GTGT của Công ty được hoàn thiện hơn nữa.

## 2.Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH 2-9 :

Căn cứ vào những nhận xét đã nêu ở chương trên, tôi xin có một số đề xuất như sau:

- Công ty nên tiến hành lập bảng kê bán lẻ tại các cửa hàng bán lẻ để một mặt là thực hiện theo đúng qui định tránh việc trốn thuế, mặt khác là để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý các kênh phân phối sản phẩm, đồng thời nhằm theo dõi riêng việc bán lẻ hàng hoá.

- Cần có sự đối chiếu sát sao giữa sổ cái TK 133, TK 3331 với bảng kê và Tờ khai thuế, tránh trường hợp không khớp về số liệu. Việc này đòi hỏi kế toán viên cần

kiểm tra lại thường xuyên chứng từ gốc nhằm tránh trường hợp bỏ sót nghiệp vụ.  
Việc đối chiếu kiểm tra có thể được thực hiện thông qua các mẫu bảng sau:

Niên độ kế toán: Năm 2009

Khoản mục TK 13311 và TK 33311

Tháng	Hạch toán				Kê khai				Chênh lệch	
	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra
Dư đầu kỳ										
T1/2009										
T2/2009										
T3/2009										
.....										
T9/2009										
T10/2009										
T12/2009										
<b>Cộng</b>										

Số còn được khấu trừ :

Chênh lệch :

Niên độ kế toán: Năm 2009

Khoản mục TK 511

Kê khai			Chênh lệch		Tờ khai		
Doanh thu	VAT đầu ra	Thuế suất	Doanh thu	VAT đầu ra	Doanh thu	VAT đầu ra	Thuế suất

- Ngoài ra trong nhiều trường hợp, khi mua bán hàng qua điện thoại; kế toán cần đến tận nơi lấy hoá đơn, hoặc phải so sánh đối chiếu với các hoá đơn đã có để tránh lấy phải hoá đơn giả do bên bán cung cấp. Đồng thời tránh được việc số tiền trên các liên hoá đơn không khớp nhau do bên bán làm giả hoá đơn để tránh được doanh thu và thuế GTGT đầu ra. Ngược lại khi bán hàng cho khách hàng ở xa thiếu chữ ký của người mua hàng ta cần đóng dấu “ Bán hàng qua điện thoại “ vào hoá đơn. Việc này hiện nay rất nhiều doanh nghiệp bán lẻ đã thực hiện.



- Trong thực tế, công ty khi kê khai thuế GTGT đôi khi còn bỏ sót hoá đơn đầu vào và hoá đơn đầu ra. Việc này cần phải được kế toán điều chỉnh kịp thời vào tháng phát hiện ra sai sót này. Với hoá đơn đầu vào thì trong thời hạn 6 tháng có thể khai bổ sung còn nếu quá 6 tháng thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nữa mà kế toán sẽ phải hạch toán vào chi phí. Còn đối với hoá đơn đầu ra khi không được phép kê khai bổ sung mà phải làm làm các tờ khai điều chỉnh theo các mẫu biểu 01/KHSB và phụ lục 01-3/GTGT.

### Phụ lục 01-3/GTGT

HÀNG TỔNG HỢP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
THEO BÀN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH  
Mẫu biểu 01-3/GTGT

STT	Ý định thuế được khai bổ sung	Ngày lập tờ khai bổ sung	Số thuế GTGT điều chỉnh tăng	Số thuế GTGT điều chỉnh giảm
1			0	0
Tổng cộng			0	0

start | Microsoft Excel | Internet Explorer | ... | 12/26/2011 | Saturday | AOD12011

- Hiện nay số thuế còn được khấu trừ của doanh nghiệp là khá lớn vì thế công ty cần sớm có tờ trình xin hoàn thuế để tăng vốn lưu động cho doanh nghiệp đồng thời tránh sự nghi ngờ của cơ quan thuế đặt ra với doanh nghiệp tại sao không xin hoàn thuế. Vì thông thường chỉ những doanh nghiệp có sự gian lận trong hoá đơn đầu vào mới để một số thuế được khấu trừ lớn như vậy mà không xin hoàn.

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày đều được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, như vậy khối lượng ghi chép là rất lớn gây khó khăn cho việc theo dõi. Theo tôi Công ty nên mở thêm một sổ sổ Nhật ký chuyên dùng để theo dõi một số loại nghiệp vụ chủ yếu như mua hàng, bán hàng, để cuối tháng kế toán thuế GTGT có thể lấy số liệu tổng hợp từ các Nhật ký chuyên dùng đó để đối chiếu số liệu đã tổng hợp được trên các sổ chi tiết.

Dưới đây là một số mẫu sổ Nhật ký chuyên dùng Công ty nên mở thêm:

**SỔ NHẬT KÝ MUA HÀNG**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Phải trả người bán (Có TK 331)	Ghi nợ các tài khoản			Tài khoản khác	
	Số	ngày y			152	153	...	Số hiệu	Số tiền

### SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Phải thu của khách hàng(N ợ TK 131)	Ghi có tài khoản doanh thu			Ghi chú
	Số	ngày			Hàng hoá	Thàn h phẩm	Dịch vụ	

- Việc bố trí nhân sự trong phòng kế toán- tài chính phải được xem xét lại, nên bố trí một nhân viên kế toán chỉ chuyên theo dõi thuế, còn mảng kế toán tiền mặt mà cán bộ này đang kiêm nhiệm nên giao cho người khác theo dõi, bởi Công ty chuyên về phân phối các sản phẩm nên nghiệp vụ phát sinh nhiều, do vậy khối lượng công việc về thuế, đặc biệt là thuế GTGT cũng rất nhiều, để việc kê khai thuế hàng tháng và cập nhật thông tin về thuế thực sự nhanh thì công ty nên có một kế toán chỉ chuyên theo dõi về thuế.

## Kết luận

Ngày 1/1/1999 có thể được coi như một mốc quan trọng đánh dấu một bước nhảy của chế độ thuế, đó là thời điểm Luật thuế GTGT được chính thức áp dụng tại Việt Nam, kéo theo chế độ kế toán cũng thay đổi cho phù hợp. Thực tế cho thấy trong những năm vừa qua, Luật thuế mới này cũng đã phần nào phát huy được những tác dụng tích cực đối với nền kinh tế đất nước, nhưng những vướng mắc, khó khăn trong quá trình vận dụng nó vào điều kiện kinh doanh thực tế của doanh nghiệp thì lại tồn tại rất nhiều.

Xuất phát từ thực tiễn trên, tôi đã chọn đề tài “ *Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH 2-9* ” là luận văn tốt nghiệp, bởi theo tôi thuế GTGT là một vấn đề được rất nhiều doanh nghiệp quan tâm và sẽ còn được bàn luận, sửa đổi nhiều trong tương lai.

Đề tài này góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề trong Luật thuế GTGT và chế độ kế toán thuế GTGT, góp phần hoàn thiện hơn nữa chế độ kế toán Việt Nam bởi vì đề tài này không chỉ đề cập đến những vấn đề riêng có tại Công ty TNHH 2-9 mà còn đề cập đến những vấn đề chung về Luật thuế GTGT và chế độ kế toán thuế GTGT.

Trong điều kiện thời gian, tài liệu và kiến thức có giới hạn, luận văn này còn nhiều sai sót, rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô và bạn đọc.